

# PHƯỜNG XƯA PHỐ CŨ HÀ THÀNH

Mỹ Phước Nguyễn Thanh

**D**ân tộc ta đã định cư từ lâu đời trên khắp đồng bằng Sông Hồng. Ngoài việc làm ruộng, chài lưới, đốn gỗ... người dân còn mưu sinh bằng những nghề thủ công như dệt vải, làm đồ gốm, đan giỏ...

Từ khi Thăng Long là kinh đô của Đại Việt, cách nay một ngàn năm, người dân càng hướng về đây, đặt niềm tin vào một nước nhà độc lập, đầy hứa hẹn cuộc sống thanh bình, no cơm ấm áo.

Nằm giữa vùng đất nhiều hồ ao, sông ngòi, lại có một mặt hướng ra Nhị Hà, Thành Thăng Long chiếm địa thế vừa dễ phòng thủ lại vừa tiện đường giao thương với bốn phương đất nước. Một vị trí như vậy có sức thu hút người dân quê ra kinh đô lập nghiệp, buôn bán. Họ đem tài trí đóng góp cho sự phát triển của đô thị, biến nơi ấy thành chốn phồn hoa đô hội nhất.

## NGUỒN GỐC CỦA PHƯỜNG VÀ PHỐ.

Vào thuở ban đầu của Thăng Long, đời Nhà Lý, đã có những xưởng, trại của triều đình chuyên sản xuất vũ khí, đóng tàu thuyền, đúc tiền... Cùng lúc với những hoạt động công nghiệp đó, người dân tụ tập thành những làng mạc chung quanh hoàng thành, sinh sống bằng những nghề trồng tía, thủ công, buôn bán, vận chuyên... Lâu hồi có nhiều làng chuyên môn một nghề hay một thứ sản phẩm, đó là những **phường**, ngày nay gọi là làng nghề.

Hoàng thành nằm giữa Thăng Long, có tường cao và hào sâu che chở, còn phía bên

ngoài là nơi cư trú của các quan văn võ, binh sĩ và thường dân. Riêng khu vực phía đông, từ các lớp thành quách ra đến dải đê bên bờ Sông Nhị, nhịp sống rộn rã tấp nập hơn, trên bờ chợ búa hàng quán san sát, dưới sông thuyền đò xuôi ngược không ngớt, mặc dù lúc ấy nhà cửa, đường sá hãy còn thô sơ, giữa vùng đất ao, hồ. Nhờ có Sông Tô Lịch chảy xuyên qua khu thị tứ đó, thuyền buôn lên đến tận tường thành phía bắc. Dọc hai bờ là những bến chuyên buôn gạo, cá, mắm, muối, đường..., hiện nay còn lại các phố mang tên tương tự, gần vị trí sông rạch xưa. Nơi cửa sông, bên hữu ngạn có Đền Bạch Mã và Chợ Cửa Đông. Toàn cảnh sinh hoạt nhộn nhịp ấy là chiếc nôi của **ba mươi sáu phố phường** sau này.

Ngày nay chúng ta gọi là **khu phố cổ**, mặc dù di tích nghìn xưa không còn mấy, nhưng để nhắc nhở rằng đó là nơi đã trôi qua nhiều thăng trầm lịch sử, nơi hội tụ văn hóa, nghệ thuật, nơi trưởng thành của nếp sống văn minh, thanh lịch, nơi tập trung những tài hoa biết cống hiến món ngon vật lạ.

Đến đời Nhà Trần, thế kỷ 13, Thăng Long được chia thành 61 phường. Năm 1428, Vua Lê Lợi đổi tên Thăng Long là Đông Kinh. Khu phố cổ thuộc Phủ Trung Đô, đến năm 1469 đổi thành Phủ Phụng Thiên, gồm hai huyện, Quảng Đức và Vĩnh Xương, mỗi huyện gồm 18 phường. Tóm lại, Đông Kinh vào đời Nhà Lê có **36 phường**, phần phía bắc Sông Tô Lịch thuộc Huyện Quảng Đức, phần phía nam thuộc

Huyện Vĩnh Xương. Dư Địa Chí của Nguyễn Trãi, soạn năm 1435, nêu tên vài phường trong khu phố cổ như Phường Hàng Đào, Phường Đường Nhân (nơi Hoa kiều đến buôn bán, nay là Phố Hàng Ngang).

Sang đời nhà Mạc (thế kỷ 16), Huyện Vĩnh Xương đổi thành Thọ Xương. Vào khoảng cuối thế kỷ 16, Người Châu Âu (Anh, Hà Lan, Bồ Đào Nha...) đến Đông Kinh buôn bán, họ ngạc nhiên trước một đô thị sầm uất, không thua kém các thành phố lớn đương thời ở Châu Á. Dân gian gọi kinh đô lúc ấy là Kê Chợ.

Vào thế kỷ 18, kinh đô có ít nhất tám chợ to: Cửa Đông, Cửa Nam, Huyện, Đình Ngang, Bà Đá, Văn Cũ, Bác Cũ, Ong Nước. Phường Diên Hưng (Hàng Ngang) và Phường Đông Lạc (Hàng Đào) là hai nơi náo nhiệt nhất. Lúc đầu các chợ chỉ họp vào ngày mồng một và ngày rằm, nhưng vì dân cư ngày càng đông, chợ họp thường xuyên.

Đầu thế kỷ 19, đời Gia Long, Phủ Phụng Thiên đổi tên là Hoài Đức, Huyện Quảng Đức đổi thành Vĩnh Thuận. Năm 1831, đời Minh Mệnh, Thành Thăng Long giáng xuống làm tỉnh thành Hà Nội vì kinh đô đã chuyển vào Huế. Chu vi của tường thành bị thu hẹp, việc quản lý của triều đình có phần nới lỏng, sinh hoạt nghề nghiệp dễ phát triển, có lẽ thêm nhiều đợt di dân từ thôn quê lên Hà Nội. Năm 1837, do còn nhiều đầm hồ, nhà cửa chỉ chiếm khoảng 70 phần trăm đất đai trong khu phố cổ. Năm 1889, ba phần tư dân cư Hà Nội sống trong khu phố cổ. Vào khoảng thời gian này, phố phường chuyển mình bước vào thế kỷ 20: các đầm hồ và Sông Tô Lịch bị lấp, đường sá được chỉnh trang và gia tăng, thêm nhiều nhà tường gạch mái ngói, ban đêm đèn điện chiếu sáng. Từ 1901, tuyến

xe điện đầu tiên xuyên qua phố phường theo hướng bắc nam.

Chu vi khu phố cổ gần giống hình thang, cạnh đáy nhỏ là Hàng Đậu. Cạnh trái đi dọc theo tường và hào thành cũ: các Phố Hàng Cót, Hàng Gà, Hàng Điều, Hàng Da. Cạnh phải hướng ra Sông Hồng: đường Trần Nhật Duật, Trần Quang Khải. Cạnh đáy lớn gãy góc ở khoảng phía bắc Hồ Hoàn Kiếm, từ tây sang đông gồm các phố: Hàng Bông, Hàng Gai, Cầu Gỗ, Hàng Thùng.

### BA MƯƠI SÁU PHỐ PHƯỜNG

Như đã nói trên đây, **phường** là tổ chức nghề nghiệp (phường chài, phường ca kỹ), ngoài ra còn nghĩa khác: làng nghề quy tụ dân các tỉnh lân cận đến kinh đô làm ăn, buôn bán (Phường Yên Thái làm giầy, Phường Nghi Tàm dệt vải và lụa).

**Phố** là cửa hàng buôn bán hay một dãy hiệu buôn v.v. Theo các định nghĩa ấy thì trong phường có nhiều phố. Cách gọi **phố phường** để chỉ một khu vực (**phường**) bao gồm nhiều đường, ngõ, hai bên có hàng quán, cửa tiệm (**phố**).

Hơn ba thế kỷ suốt Triều Nhà Lê, kinh đô chỉ có 36 phường. Nhưng lâu nay chúng ta thường nghe là «36 phố phường», có lẽ căn cứ vào số phường trên. Thực ra Thăng Long - Hà Nội có gần trăm con phố nghề, cho nên 36 chỉ là số tượng trưng, ước lệ, diềm lành, may mắn.

Từ thế kỷ 19, trong khi các phường ở chung quanh Hà Nội vẫn giữ tên cũ (Yên Phụ, Nghi Tàm, Hồ Khẩu, Thịnh Hào...), tên các phường buôn bán trong kinh thành đều nhường chỗ cho tên phố, thường thường là tên sản phẩm được mua bán, đặt sau chữ «Hàng» (Phường Tăng Kiếm trở thành Phố Hàng Trống, Phường Hà Khẩu trở thành Phố

Hàng Buồm, Mã Mây...). Những phố lập sau này không phải là phố cổ đúng nghĩa, vì được xây lên sau khi các kênh, hồ bị lấp, các ngõ hẹp được mở rộng, phố cũ được nối dài. Các phố này thường mang tên danh nhân, địa danh, thí dụ như Phố Đinh Liệt, Lương Văn Can, Tố Tịch, Yên Thái...

### TỔ CHỨC PHƯỜNG XƯA.

Ban đầu những người thợ đến kinh đô bán hàng hóa do họ sản xuất tại làng quê mình. Họ bắt đầu hòa nhập vào nhịp sống, quen dần các sinh hoạt phức tạp của đô thị. Khi đã rõ đường đi nước bước, những người đến trước dẫn lối cho thân nhân hay đồng hương nối gót theo sau. Từng đợt người cùng làng quy tụ đến lập **phường**, tức là cộng đồng nghề nghiệp. Nguồn gốc ruộng đồng đã hun đúc nơi họ bản tính chất phác, hiền từ, họ dễ dàng đứng chung với nhau, lập thành tập thể đoàn kết chặt chẽ. Từ đây những làng nghề thành hình ở Thăng Long. Họ làm những nghề thủ công và bán sản phẩm do chính mình tạo ra : dệt vải, nấu đường, chạm nữ trang, rèn sắt, nắn đồ gốm... , hoặc bán hàng hóa sản xuất ở các tỉnh xa: gạo, mắm, rươi, than... Dù chuyên về bất cứ nghề nào, nông nghiệp, luyện kim, dệt vải làm giấy... các phường cũng đều lệ thuộc vào hệ thống sông ngòi. Các tàu thuyền có thể vào giữa các phường để buôn bán trao đổi, khiến các phố nghề càng phát triển, mỗi phố chuyên kinh doanh một loại mặt hàng, ở công mỗi phố có biển gỗ đề tên hàng hóa và địa chỉ các hiệu buôn.

Tuy đã quen với cuộc sống thành thị, họ vẫn giữ mối quan hệ mật thiết với làng cũ, vì nơi ấy không chỉ có cây đa, mái đình, mà còn là chỗ sản xuất hàng hóa, cung cấp nguyên liệu chế tạo. Khi cần, họ có thể huy

động những thợ đồng hương tùy theo nhu cầu đặt hàng. Hơn nữa làng quê còn là nơi tích lũy kiến thức, kinh nghiệm tổ truyền. Lại có khi vì họ đã giúp ích cho quê quán, cho đồng hương, họ được làng ghi công, và biết đâu ngày nào đó họ có chân trong hội đồng hương chính, vừa có chức quyền, vừa hưởng bổng lộc

Từ thế kỷ 17 trở đi, triều đình đã giảm hạn chế sự đi lại mua bán, nông dân và thợ thủ công có thêm điều kiện dễ dàng để mang hàng hóa ra thành thị bán cho các thương gia, thí dụ như thợ các Phường Yên Thái và Hồ Khẩu mang vải hay giấy giao hàng cho các nhà buôn Phố Hàng Đào và Phố Hàng Giấy.

Nhiều lượt dân cư đến lập nghiệp, người thị thành ngày một đông, đất phố phường ngày một hiếm, mối tương quan giữa thị dân càng phức tạp, thí dụ như trong cùng một phố, chen bên cạnh những người làm công vất vả hoặc ăn lương từng ngày, cũng có những thợ lành nghề với đồng lương khá và những chủ nhà buôn phát đạt. Những cộng đồng dân cư hòa hợp với nhau được do ý thức tương thân tương trợ, không phân biệt giai cấp, gốc gác : dù là người từ nhà quê mới vào nghề hay người thợ đã thiện nghệ, dù là Người Việt hay Hoa kiều... họ đều là những láng giềng sát cánh cùng kinh doanh.

Tuy bon chen bận bịu với nghề nghiệp, người dân vẫn hướng lòng về quê cha đất tổ. Trong nhà họ đặt bàn thờ vọng để cúng vái ông bà tổ tiên vào ngày giỗ, ngày tết. Trong mỗi phường đều có vọng đình thờ thành hoàng làng cũ hay thờ ông tổ nghề, cũng dùng làm nơi hội họp của các vị thân hào. Nhưng dần dần qua nhiều thế hệ sinh sống làm ăn trong phố phường, người dân

không còn bị ràng buộc bởi tập quán và tín ngưỡng của làng quê. Vọng đình trở thành đình chính thức, họ thờ cúng ông tổ nghề thủ công họ đang theo, hoặc sau đó thờ các vị thành hoàng của Thăng Long (Thần Linh Lang, Bạch Mã...) để hòa đồng, đoàn kết với láng giềng, vừa tỏ quyết tâm định cư hẳn ở thành thị. Với nghề chuyên môn, họ có mức sống cao, nhà cửa khang trang, hàng quán ngăn nắp, luật lệ, lễ nghi thật quy củ, họ trở thành «Người Hà Nội gốc», có nếp sống văn minh, tao nhã, lịch sự...

### HÌNH ẢNH PHỐ CŨ.

Từ khi mở mang Thăng Long, nhà cửa của thường dân không được làm bằng đá gạch, cũng không được xây tầng. Mãi đến thế kỷ 17, các giáo sĩ đã thuật lại rằng họ thấy nhiều nhà dân xây lầu, có lẽ vì Kẻ Chợ đã đông dân, triều đình không khắt khe thi hành luật cũ. Dù sao, nếu nhà được xây cao thì người dân có nơi lánh nạn mỗi khi lũ lụt, vì đê ven Sông Hồng không đủ ngăn hết các thủy tai.



*Toàn cảnh khu phố cổ nhìn từ tháp chuông Nhà thờ lớn, 1905.*

Đến năm 1884, phần nhiều đường sá trong phố cổ vẫn còn hẹp, chính giữa có lối đi rộng khoảng một mét lót bằng gạch



*nung, để khách bộ hành tránh lầy lội lúc Đường Đinh Tiên Hoàng, phía Bắc Hồ Gươm, sau này mở rộng làm Ga Bồ Hồ, 1900.*

trời mưa. Hai bờ đường chưa có cống rãnh, nước mưa tù đọng. Mái hiên che mưa nắng trên quây hàng dọc hai bên càng làm cho đường hẹp thêm. Khi có kiệu hay ngựa đi qua, khách bộ hành phải nhường lối, chân lội bùn bì bõm. Những phố sang trọng như Hàng Ngang, Hàng Đào, Mã Mây... được lát gạch, hai bên có rãnh thoát nước. Ở đầu mỗi phố có cống ngăn và tấm biển ghi rõ loại hàng bán ở đó. Ban ngày người dân được tự do qua lại, đêm đến các cống đóng kín. Người đi đêm phải mang đèn, vì các phố tối đen, chỉ có các phu điếm, trang bị gậy dài, canh gác hay đi tuần. Ban đầu lối ra vào phố chỉ có sợi thừng giăng ngang đường để kiểm soát khách đi đêm, sau được thay thế bằng cổng tre hay gỗ chắn hết bề rộng phố, kê bên có chòi canh lợp tranh hay lá. Trước kia vào thế kỷ 17, nhiều phố còn có nhà tù để giam giữ những kẻ vô gia cư, lang thang rình rập lúc đêm xuống. Ở các phố buôn bán của Hoa kiều, cổng xây bằng gạch, trên có hành lang cho phu điếm đi lại, có lỗ châu mai như trên tường thành.

Chúng ta thử xem qua kiến trúc của nhà cửa trong các phố từ thế kỷ 19 trở đi. Hầu hết nhà trong phố xây liền vách nhau, bằng gỗ hay tre, vách đất, lợp tranh hay lá, để

xây ra hỏa hoạn. Chỉ một số nhà giàu hay Hoa kiều mới xây nhà gạch, mái ngói. Mặt tiền không đồng đều, cái lù vào, cái nhô ra. Dần dần nhà gạch lợp ngói thay nhà tranh, tường ngăn vươn cao hai bên nhà, hình bậc thang. Do tình trạng đất hẹp dân đông, bề ngang các ngôi nhà có khi không quá ba mét, đó là kiểu «nhà ống», nhà hẹp nhưng rất dài, đôi khi mặt sau thông qua phố khác. Nhà ống gồm nhiều lớp : tùy theo chiều dài, không kê gian ngoài dùng làm tiệm bày hàng hoặc xưởng thợ, còn có kho hàng, nhà khách hay một vài sân trong với bể nước, hòn non bộ, cây cảnh... Khi bắt đầu xây tầng thì nhà chỉ có gác xép rất thấp và lù sâu hơn mặt tiền, cửa sổ nhỏ trông ra đường, đó là kiểu nhà « mái chông diêm ». Đến đầu thế kỷ 20, cùng lúc với việc sửa sang đường phố, nhiều nhà có mặt tiền xây với mái hiên, ban-công theo kiểu Châu Âu, cao hai, ba tầng.



*Phở Hàng Đào, mặt tiền dãy nhà bên số chẵn, nhìn về hướng Hàng Ngang (1902).*

Mỗi phố thường có một đình. Lúc còn thưa dân, những ngôi đình xưa xây theo kiểu thức truyền thống với mặt tiền rộng. Nhưng từ giữa thế kỷ 17, đình xây theo chiều sâu, chen giữa những nhà ống cho nên dài và hẹp. Nhiều đình được đưa lên tầng trên, bên dưới làm cửa hàng. Rải rác trong các phố còn có đền, chùa, hội quán của Hoa kiều...



*Phở Hàng Đào, bên phải là dãy nhà số chẵn, nhìn về phía Hồ Hoàn Kiếm (khoảng 1902).*

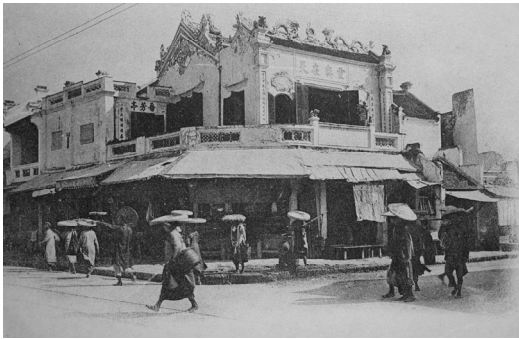
### DU NGOẠN PHỐ PHƯỜNG XƯA

Trong một khoảnh khắc thời gian, chúng ta thử lướt qua phố phường xưa và điểm qua một vài di tích lịch sử.

Trong một khoảnh khắc thời gian, chúng ta thử lướt qua phố phường xưa và điểm qua một vài di tích lịch sử.

Lúc xưa, từ những Phố Hàng Ngang, Hàng Đào rẽ sang Hàng Gai nối tới Hàng Bông là trung tâm thương mại của 36 phố phường. Chúng ta chọn quảng trường Đông Kinh Nghĩa Thục ở phía bắc Hồ Hoàn Kiếm gần đây làm điểm khởi hành đi thăm khu phố cổ theo «trục chính» bắt đầu từ Phố Hàng Đào đi lên hướng bắc đến Phố Hàng Giầy. Cũng trên trục phố này trước kia có tuyến xe điện từ Ga Bờ Hồ đi Thụy Khuê.

Phố **Hàng Đào** từ lâu được xem là giàu có, sang trọng nhất. Vào đời Nhà Lê, người dân ở đây làm nghề nhuộm màu điều và các màu khác. Sau này chuyển sang buôn bán vải vóc, tơ lụa nên phố còn được gọi là Hàng The. Khoảng năm 1925, có nhiều hiệu buôn của Ấn Kiều bán cả vải nhập cảng. Bên trong các nhà dãy phố phía đông, càng vào sâu nền càng thấp vì nhà xây trên bờ Hồ Thái Cực đã lấp bằng. Ở



*Một góc phố cổ, bên trái là Hàng Ngang, bên phải là Hàng Bạc, 1902.*

đầu phố phía Hàng Ngang có nhà Cụ Lương Văn Can và Trường Đông Kinh Nghĩa Thục. Vài ngôi đình đáng kể:

Đình Hoa Lộc thờ vọng tổ nghề nhuộm vải Làng Đan Loan (Hải Dương), Đình Đồng Lạc thờ các thần Bạch Mã, Linh Lang, Cao Sơn.



*Chợ Đồng Xuân nhìn từ Phố Hàng Giấy, mái lợp tôn, cầu chợ bằng khung sắt. Đình đồng Xuân ở bên trái, gần đầu Phố Hàng Khoai (1905)*

Tiếp theo là phố **Hàng Ngang**, tên gọi thế vì xưa có công to xây bằng gạch chắn ở hai đầu phố. Trước kia là phố Việt Đông, nơi Hoa kiều gốc Quảng Đông và về sau người Minh Hương buôn bán tạp hóa, tơ, lụa, trà, thuốc... Đoạn phố về phía Hàng Đào là Hàng Lam, chuyên bán tơ lụa nhuộm xanh. Khoảng cuối thế kỷ 19, gần

công phố đặt một điểm canh, bên cạnh có người bí mật đến dán những bài về để chỉ trích, chế nhạo, tố giác những hành động mờ ám, bất chính cho người qua lại xem, người dân gọi là «Điểm Vê».

Nổi dài với Hàng Ngang là **Hàng Đường**, chuyên bán đường, mật, kẹo, mứt... Lúc xưa phố này vượt qua Sông Tô Lịch bằng chiếc cầu đá gọi là Cầu Đông, bên cạnh cầu có tượng Phật đá tọa thiền, miệng mỉm nụ cười, được gọi là Tiểu Phật. Gần cầu có chợ Cầu Đông, sau này dời lên phố Đồng Xuân. Chùa Cầu Đông xây từ cuối thế kỷ 18, có tượng Trần Thủ Độ và chuông đúc vào đời Tây Sơn. Đình Đức Môn thờ Ngô Văn Long, danh tướng đời Hùng Vương 18.

Rời Hàng Đường chúng ta sang phố **Đồng Xuân**. Tên cũ của phố này là Hàng Gạo vì xưa có chợ họp thường xuyên buôn bán gạo trên bãi đất trống sau này xây lên chợ Đồng Xuân. Cuối thế kỷ 19, sau khi sông Tô Lịch bị lấp, hai chợ cũ ven sông là Bạch Mã và Cầu Đông được dời về chợ Đồng Xuân to hơn, gồm năm ngăn bằng khung sắt, mái lợp tôn. Đến khoảng năm 1920, chợ được xây lại bằng bê tông cốt thép.



*Chợ Đồng Xuân, 1926.*

Nổi dài với Phố Đồng Xuân là phố **Hàng Giấy**, xưa chuyên bán các loại giấy bản, giấy dó... của các Làng Yên Thái, Hồ

Khẩu ở ngoại ô Hà Nội. Suốt vài mươi năm đầu thế kỷ 20, trong phố có những nhà hát ả đào. Hàng Giấy bị chia làm hai đoạn do cầu xe hỏa của phố Gầm Cầu xây cao vắt ngang qua. Đình Đồng Xuân ở đầu phố phía Hàng Khoai, thờ thần Bạch Mã. Đến cuối Phố Hàng Giấy, chúng ta dừng chân bên một ngã sáu, giữa có tháp nước hình trụ, xây bằng đá của Thành Hà Nội bị phá bỏ. Bên cạnh là vườn hoa và sở cấm Hàng Đậu.



*Khu vực quanh Hàng Đậu còn đất hoang, đầm hồ, phía xa là tháp nước (Khoảng 1925)*

Phố **Hàng Đậu** kéo dài từ vườn hoa đến bờ Sông Hồng. Khi xưa những người làm vườn từ làng quê chung quanh mang các loại đậu đến đây bán. Đầu thế kỷ 20, khu đất hai bên Phố Hàng Đậu vẫn còn những bãi cỏ và những đầm nước trồng rau muống. Trong phố có Cửa Ô Tiên Trung trông ra Sông Hồng, đã bị phá khi sửa sang đường sá quanh đầu Cầu Long Biên. Đình Nghĩa Lập thờ thần Bạch Mã; Đền Nghĩa Lập thờ những vị nữ thần phù hộ người đi thuyền vượt sông biển.

Chúng ta quay trở lại Hàng Đào, chuyển hướng đi xem các phố phía đông, bắt đầu là Phố **Cầu Gỗ**. Xưa có chiếc cầu gỗ bắc qua con kênh nhỏ nối Hồ Hoàn Kiếm với Hồ Thái Cực. Vào thế kỷ 19, rải rác từ bên Cửa Nam đến phố này có những « xóm học trò », với quán com, nhà trọ cho

các sĩ tử ra kinh ứng thí. Người dân ở đây còn làm nghề bán các loại dầu, dùng thắp



*Toàn cảnh khu phố cổ nhìn từ phía bắc Hồ Hoàn Kiếm. Tháp Bút bên trái, Đền Bà Kiệu bên phải (1900).*

đèn hay làm thức ăn, họ là đồng nghiệp với dân phố Hàng Dầu gần đây.

Nối tiếp với Cầu Gỗ là **Hàng Thùng**, phố chỉ dài đến đê sông Hồng, chuyên bán các loại thùng tre hay gỗ ghép trét sơn, dùng múc nước, gánh nước sông, nước giếng. Về sau Hàng Thùng nối dài thành phố Phúc Châu đến tận bờ sông, nơi bán gỗ và các vật dụng bằng gỗ như bàn, ghế, tủ, giường... Ở phố này có đình Đông Yên thờ thần Uy Linh Lang, con vua Trần Thánh



*Những mái nhà và một sân trong phía sau dãy số chẵn, Phố Hàng Giấy (khoảng 1920).*

Tông và là vị anh hùng cầm quân chống giặc Nguyên-Mông vào thế kỷ 13.

Phố **Hàng Bè** lúc xưa ở gần bên sông. Tre, nứa, gỗ từ các tỉnh được kết thành bè cập vào bên, cung cấp nguyên liệu cho các

cửa hàng đóng bàn ghế, xây dựng nhà cửa. Ở phố này có Đình Ngũ Hâu thờ Thần Cao



*Phố Hàng Bè nhìn từ Ngã Tư Phố Cầu Gỗ. Phía xa là các mái nhà Phố Hàng Mắm (1905).*

Tứ, con rể của An Dương Vương, cầm binh chống Triệu Đà, tử trận trên Sông Tô Lịch. Ngã tư Hàng Bè - Cầu Gỗ xưa là bãi đất rộng trên đó họp Chợ Hàng Bè. Về sau chợ này dời về bên Phố Hàng Thùng, giữa Phố Bắc Ninh và Phố Hàng Tre.



*Phố Hàng Tre nhìn về Ngã Tư Hàng Thùng. Khu Tòa Công Chính ở bên trái. (1905)*

Phố **Nguyễn Hữu Huân**, trước là phố Bắc Ninh, còn gọi là Bè Thượng, đi dọc theo đê sông đến ngã năm Cột Đồng Hồ, chuyên buôn gỗ như các phố gần bên (Hàng Bè, Hàng Tre). Phố này tương đối dài nên có nhiều đình: Ưu Nghĩa, Đông An, Trang Lâu...

Xa hơn về phía bờ sông là Phố **Hàng**

**Tre**. Đầu thế kỷ 20, hai bên phố này còn bày bán những thân tre dài, chiếm hết các vỉa hè. Ở phố này có nha công chính Đông Dương, Tòa Án Hàng Tre, và ngôi chợ dời từ Hàng Bè đến đây.

Chúng ta hãy trở về «trục chính», đến ngã tư Hàng Ngang-Hàng Đào, bên phía đông là phố **Hàng Bạc**. Lúc xưa người dân ở đây



*Phố Hàng Bạc, từ ngã ba Mã Mây nhìn về phía Hàng Đào, (1905).*

sống bằng nghề đúc vàng bạc thành tiền, thỏi, nén, nữ trang... sau có cả nghề đổi tiền. Vài di tích của phường nghề xưa ở phố này là: Đình Kim Ngân và Đình Trương, thờ ông tổ nghề kim hoàn gốc Làng Châu Khê; nhà thờ tổ nghề kim hoàn gốc Làng Định Công; trường đúc bạc xây vào đời Lê, thế kỷ 16.

(Còn tiếp 1 kỳ)

#### Tài liệu tham khảo

Hà Nội cũ – Doãn Kế Thiện (1943)

Cổ tích và thắng cảnh Hà Nội – Doãn Kế Thiện (1999)

Phố Phường Hà Nội Xưa – Hoàng Đạo Thúy (2000)

Histoire de Hanoi – Philippe Papin (2001)

Bản đồ Hà Nội 1890, 1925, 1974.

**MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH**  
(Paris)



## THE LONELY SEAGULL AND THE INDIFFERENT SEA

You are an unfathomed ocean  
I am a lonely seagull  
Flying over high and silvery waves,  
Waiting desperately for the call  
Of the mysterious sea.  
The universe is so immense!

Why can't I have any place to rest?  
The water flowing over the sand  
Erases all the memories!  
You are cruel and emotionless,  
Why have'nt you ever answered me?  
You've refused to take the burden of  
sadness  
Away from my little body.  
Alas ! I am only a lonely bird  
Is it my destiny?

**Ngô Thị Vân**

CA ngày 10 tháng 10 năm 1982

## HẢI ÂU CÔ ĐƠN và ĐẠI DƯƠNG LẠNH LÙNG

Người đại dương vô tận  
Tôi hải âu cô đơn  
Bay cao trên sóng bạc  
Chờ tuyệt vọng mỗi mòn  
Tiếng gọi mời của biển  
Trong vũ trụ mịt mù!

Tại sao tôi không thể  
Có chỗ nào nghỉ ngơi?  
Nước chảy vùi trên cát  
Xóa bao kỷ niệm rồi.  
Tàn nhẫn và vô cảm  
Sao người không trả lời?  
Người đã không cất nhẹ  
Gánh u sầu cho tôi  
Một tấm thân bé nhỏ  
Một con chim lạc loài  
Ôi, cuộc đời là thế  
Một định mệnh an bài.

**Thu Lê**

Phỏng dịch (6/30/10)



Hình: Minh Châu

# “Một giọng hát thuộc lớp đầu đàn của thời đầu Tân Nhạc Việt Nam vừa vĩnh viễn ra đi”

## Thanh Trang

Dương Thiệu Tước, một tác phẩm vào cuối thập niên 40.

Chương trình “Ca khúc Việt Nam” do Thanh Trang thực hiện xin chào quý thính giả nghe Đài!

Quý thính giả thân mến!  
Hôm 17 tháng 08 dương lịch vừa qua, tính theo lịch tại Nam California, Hoa Kỳ, một giọng ca nổi tiếng một thời, thuộc lớp đầu đàn vào thời đầu của Tân Nhạc Việt Nam đã qua đời. Và lễ hỏa táng cho người quá cố cũng đã được thực hiện vào hôm thứ Tư 25 tháng 8 dương lịch vừa rồi tại Thành Phố Westminster ở Nam Cali.

Chúng tôi xin mời quý thính giả nghe lại giọng hát quen thuộc và nổi tiếng một thời đó mà chúng tôi tin là những ai thuộc lứa tuổi trên dưới 60 vào ngày hôm nay và xưa kia từng yêu thích ca nhạc thì hẳn vẫn còn có thể nhận ra được, qua trích đoạn từ âm thanh của một đĩa nhựa vào thời cuối thập niên 40, đầu 50 nhưng cũng vì thế mà phẩm chất âm thanh tất nhiên có sự hạn chế. Bài hát tựa là “*Áng mây chiều*” của



(Trích “*Áng mây chiều*”)

Vừa rồi là trích đoạn bài “*Áng mây chiều*” của Dương Thiệu Tước. Trong số quý vị thì hẳn cũng đã có người nhận ra giọng hát. Nhưng đối với những vị nào còn ngỡ ngơ, chưa nhận ra rõ cho lắm, một phần không nhỏ vì lý do phẩm chất âm thanh của một đĩa nhựa thời trước đã bị hao mòn vì thời gian, thì chúng tôi xin trích đoạn tiếp từ một ca khúc khác, cũng của Nhạc sĩ Dương Thiệu Tước, bài “*Đêm tàn bến Ngự*”, và cũng qua giọng ca như vừa rồi!

(Trích “*Đêm tàn bến Ngự*”)

Quý thính giả thân mến! Trích đoạn hai bài hát của Dương Thiệu Tước, bài “*Áng mây chiều*” và bài “*Đêm tàn bến Ngự*” vừa rồi là qua giọng hát của Nữ Danh Ca Minh Trang khi xưa. Bà vừa qua đời tại Nam Cali., Hoa Kỳ, vào ngày 17 tháng 08 dương lịch vừa rồi như chúng tôi đã nói đến khi mở đầu chương trình hôm nay, ở tuổi 90!

Cũng xin mở đầu ngoặc là khi chúng tôi soạn đề tài cho buổi phát thanh này thì cũng lại được tin buồn là Nữ Ca Sĩ Thúy Nga của thời giữa thập niên 50, cũng là người bạn đời của cố Nhạc Sĩ Hoàng Thi Thơ, đã qua đời tại California, Hoa Kỳ, hôm 24 tháng 08 dương lịch vừa qua ở tuổi 75. Chúng tôi sẽ có chương trình dành riêng cho Nữ Ca Sĩ Thúy Nga, tên thật là Nguyễn Thúy Nga trong một buổi phát thanh kỳ tới.

Trở lại với đề tài của ngày hôm nay thì chúng tôi có suy nghĩ là với ngân ấy biến động về mặt lịch sử và xã hội trên đất nước trong suốt 40 năm qua, kể từ tháng Tư năm 75, thì thế hệ trẻ, trên dưới 40 vào ngày hôm nay không dễ gì biết được những giọng nữ, cùng thời với Nữ Danh Ca Minh Trang, mà cách đây trên 50 năm đã được những người nghe ca nhạc yêu thích. Để mấy ai trong lớp trẻ của ngày hôm nay có được điều kiện để nghe những giọng ca thuộc phái nữ một thời vang bóng từ các đài phát ở Hà Nội, Huế vào đến Sài Gòn như Minh Đỗ, Thanh Nhạn, Mộc Lan, Ngọc Hà, Túy Hoa, Tâm Vấn chẳng hạn ?

Có hai sự hạn chế về mặt “*truyền thống trên nền ca nhạc*”, tạm gọi như vậy!

Hạn chế thứ nhất là không ai tương đối biết rõ về nhau trong giới âm nhạc bằng chính các nhạc sĩ sống cùng thời, thế nhưng ở ta thì các vị ấy lại không chịu viết “*Hồi ký*”. Viết “*Hồi ký*” không phải chỉ để nói về mình mà nói về cái thời mình đã từng sống qua với ngân ấy sự việc, ngân ấy bạn bè cùng giới, trong cùng một bối cảnh lịch sử, xã hội. Không có những tài liệu như vậy cho nên ta mới có thể bắt gặp những thông tin chẳng mấy có lợi cho giới trẻ khi họ muốn tìm hiểu việc này hay việc kia trong lịch sử Tân Nhạc. Chẳng hạn như trên

mạng có nơi khi đề cập đến Nhạc sĩ Văn Giảng thì viết rằng ông còn có một bút hiệu khác là “*Mạnh Phát*”, trong khi Nhạc sĩ Mạnh Phát hay Tiên Đạt, tác giả những bài hát như “*Ai về quê tôi*” hay “*Trăng sáng trong làng*”, đã qua đời ở Sài Gòn vào năm 1973, còn Nhạc sĩ Văn Giảng hay Thông Đạt, tác giả những bản hùng ca như “*Lục quân Việt Nam*” hay ca khúc trữ tình như “*Ai về sông Tương*”, “*Đôi mắt huyền*”... thì vẫn còn sống để có thể qua tái định cư ở Úc vào đầu thập niên 80!

Cho đến nay thì mới chỉ có hai quyển “*Hồi ký*” đáng kể nhất, một của Nhạc Sĩ Phạm Duy và hai là của Nhạc Sĩ Tô Hải. Còn về phía các ca sĩ thì lại còn hiếm hoi hơn nữa. Mà theo chỗ chúng tôi suy nghĩ thì khi xưa không ai có tài liệu tương đối nào tương đối đáng tin cậy bằng các nhạc sĩ nổi tiếng khi các vị ấy nhận định về các ca sĩ, bởi hầu hết các vị ấy đều đứng đầu các ban nhạc ở những đài phát thanh, và tất cả các ca sĩ nổi tiếng cùng thời đều hát ở những ban nhạc ấy, hay ít ra thì tình hình ở trong Nam sau năm 54 là như thế!

Còn mặt hạn chế thứ hai là vấn đề lưu trữ! Tất cả những bài hát khi xưa được ấn hành ít nhất là vài nghìn bản qua mỗi lần xuất bản, thế nhưng thử hỏi xem ngày hôm nay có nơi nào trong cũng như ngoài nước có được đầy đủ ít nhất một bản còn nguyên vẹn hình hài của tất cả ngân ấy bài hát? Hậu quả tất nhiên là một khi không có nguyên tác trong tay vì lý này hay lẽ nọ thì người ta hát theo truyền khẩu với những chỗ sai cứ thế được truyền cho nhau! Mà quan trọng hơn cả, khi nói đến ca nhạc, là việc lưu trữ dưới dạng âm thanh! Trích đoạn hai bài hát vừa rồi do Nữ Danh Ca Minh Trang hát vào thời cuối thập niên 40, đầu 50 là được lấy

từ trên các đĩa nhựa được sản xuất thời ấy do gia đình người hát may mắn còn giữ lại được, và vì chúng cũng đã được nghe đi nghe lại nhiều lần cho nên đã bị hao mòn, mất khá nhiều phẩm chất về mặt âm thanh! Chúng tôi khi còn trẻ đã từng nghe một giọng hát Minh Trang trong trẻo, rõ ràng, với phần nhạc đệm cũng rất rõ ràng qua làn sóng của đài phát thanh hay đĩa nhựa mới tinh của thời ấy. Nay sau trên 50 năm thì chỉ còn lại chút thanh âm như quý thính giả vừa nghe trong hai mẫu trích đoạn vừa rồi! Trái với trên ba mươi năm trở lại đây, với kỹ thuật thu âm mỗi ngày một tinh xảo, những ca sĩ qua đời đã khá lâu như Lê Dung, Ngọc Lan nhưng các CD với giọng hát của hai người này vẫn còn đầy với âm thanh trong chùng như khi nghe thì mới được thu âm từ ngày hôm qua! Chính vì thế mà sự vắng bóng nơi chốn trần gian này của những ca sĩ này mang tính chất hư hư thực thực, mất đây mà vẫn như còn đây. Trong khi hôm nay đây mà nghe lại âm thanh thu từ đĩa nhựa của thời cuối thập niên 40, đầu 50 ở nước ta thì chẳng khác gì nghe tiếng của một cõi thiên thu nào đấy vọng về! Và khi những ca sĩ có các giọng hát đó đã qua đời thì điều đó lại càng làm rõ thêm ấn tượng!

Đến đây thì chúng tôi xin viện dẫn một ví dụ để quý thính giả dễ nhận ra một cách

cụ thể hơn về mức hệ trọng của vấn đề như vừa nêu ở đoạn trên. Chúng tôi lấy trích đoạn của một bài hát thu trên đĩa nhựa vào cùng thời với hai bài hát vừa rồi, ở bên Pháp; bài “*L'étoile des neiges*” - ( “*Ngôi sao nơi miền tuyết trắng*” ) một ví dụ trong muôn một - một bài hát xưa kia đã có tác giả đặt lời Việt, mở đầu với câu “*Chiều nay người phiêu lãng nhìn sóng xa mờ...*”, với tựa đề “*Sao biển*” cho hợp tình hợp cảnh vì xứ ta lấy đâu ra tuyết? Bài hát là của Winkler và Plante, viết ra năm 1948 và do Line Renaud hát cùng thời!

(Trích “*L'étoile des neiges*” )

Quý thính giả vừa nghe trích đoạn một bài hát của Pháp vào thời cuối thập niên 40, tức là cùng thời với những bài hát mà nữ

đanh ca Minh Trang hát lúc ban nãy, nhưng vì xứ sở người ta lưu trữ những tài liệu, tác phẩm văn học nghệ thuật có hệ thống, có nền nếp cho nên như ngày nay ở Hoa Kỳ chẳng hạn, người ta vẫn cho ghi âm lại những bài hát từ thời thập niên 30, 40 với chất lượng âm thanh nếu như có những bài chỉ dưới dạng “mono” chứ không phải “Stereo” ở một số đĩa hát chẳng nữa thì chất lượng âm thanh phần lớn vẫn rõ ràng, mạch lạc!

Đến đây thì chúng tôi xin giới thiệu bài “*Con thuyền không bến*” của Đặng Thế Phong qua giọng ca Minh Trang thuở trước, được thu trên đĩa



nhựa vào cuối thập niên 40. Bài “*Con thuyền không bến*” được trình bày theo cách hát mà chúng tôi cho là chuẩn mực, phát xuất từ tính chất của bài hát là tuy buồn đầy thể nhưng là buồn thanh thoát, nỗi buồn của thi nhân chứ không phải từ âm giai theo thể Thứ vốn đã buồn sẵn mà lắm ca sĩ khi tìm cách “diễn tả” thì lại đi đến chỗ cường điệu, khiến bài hát trở nên thô lương, ảm đạm, chẳng còn gì là thơ! Bởi tính chất của bài “*Con thuyền không bến*” nó không như bài “*Giọt mưa Thu*” cũng của Đặng Thế Phong! Cái buồn nơi bài “*Con thuyền không bến*” là tiêu biểu qua câu hát “*Như nhớ thương ai chùng tơ lòng*”, khi người nhạc sĩ, thi nhân cảm thấy lòng mình như “chùng xuống”. Nỗi buồn đó không giống như thứ “*vạn cổ sầu*” nơi bài “*Giọt mưa Thu*” mà ý nhạc theo như cái tựa ban đầu là “*Vạn cổ sầu*” trước khi Bùi Công Kỳ viết lời cũng như đặt lại tựa đề bài hát! Nữ Danh Ca Minh Trang xưa kia khi hát bài “*Con thuyền không bến*” đã diễn tả được đúng mức tinh tiết của bài hát!

(Trích “*Con thuyền không bến*”)

Chúng ta đang nghe bài “*Con thuyền không bến*” của Đặng Thế Phong qua giọng ca Minh Trang của thời cuối thập niên 40. Bà Minh Trang tên thật là Nguyễn Thị Ngọc Trâm, sinh năm 1921 tại Huế. Hai chữ “Minh Trang” là ghép tên người con trai trưởng, Bửu Minh và tên người con gái là Công tằng Tôn Nữ Đoàn Trang, tức không ai khác hơn là Nữ Ca Sĩ Quỳnh Giao. Còn có những CD nhạc ngoài thị trường với tiếng hát của Quỳnh Giao và Vân Quỳnh thì Vân Quỳnh lại là tên một người em gái của Quỳnh Giao. Bà Minh Trang lập gia đình với nhạc sĩ Dương Thiệu Tước vào thời đầu thập niên 50. Trước đây,

từ năm 1948 Bà là xướng ngôn viên ban Pháp ngữ tại Đài Phát Thanh “Pháp Á”, và cũng do làm việc tại đài này mà Bà khởi sự nghiệp ca hát ngay tại đây, tuy từ đầu thập niên 60 khi đài này đã trở thành Đài Quốc Gia từ sau năm 54, thì Bà đã ngừng hát vì lý do sức khỏe! Sau năm 1975, Bà cùng mấy người con tìm đường vượt biên vào cuối thập niên 70 và tái định cư tại Hoa Kỳ. Nhạc sĩ Dương Thiệu Tước ở lại trong nước và mất vào năm 1995, ở tuổi 80.

Một trong những bài hát nổi tiếng nhất của Nhạc sĩ Dương Thiệu Tước, người mà Nhạc sĩ Phạm Duy trong quyển “*Hồi Ký*” của ông đã xếp vào hàng “*Tiên Chi*” của thể nhạc lãng mạn, trữ tình trong Tân Nhạc Việt Nam, là bài “*Bóng chiều xưa*”! Nơi bìa trong của bài hát này do Nhà Xuất Bản Tinh Hoa ấn hành khi xưa chúng tôi còn nhớ là có ghi tên tác giả gồm hai người là Dương Thiệu Tước và Minh Trang. Bài hát được viết vào đầu thập niên 50, tức là cùng thời kỳ đôi bên thành vợ thành chồng. Đồng tác giả thật sự hay người nhạc sĩ tài hoa kia có ý ghép tên người bạn đời vào tác phẩm để đánh dấu một kỷ niệm nào đấy thật đặc biệt trong đời mình? Họa chăng chỉ có hai con người biết được đích thực ngọn nguồn thể nhưng nay thì cũng đã tìm về với nhau trong cõi vô biên!

Nhưng hình như giọng hát của một Nữ Danh Ca Minh Trang khi xưa vẫn còn lại đâu đây!

Xin mời quý thính giả, ta cùng nhau nghe bài “*Bóng chiều xưa*” của Dương Thiệu Tước và Minh Trang qua giọng ca Quỳnh Giao, với phần hòa âm của Duy Cường: (Trích “*Bóng chiều xưa*”)



Văn Phụng & Châu Hà và một số thân hữu vùng Hoa Thịnh Đốn

1: Ca sĩ Anh Ngọc 2: Ca sĩ Châu Hà 3: Nhạc sĩ Văn Phụng 4: Tướng Ngô Quang Trường  
5: Ca sĩ Minh Trang 6: Ca sĩ Quỳnh Giao 7: Nhạc sĩ Nhật Bằng 8: Nhạc sĩ Nguyễn Túc

Quý thính giả thân mến! Ta đang cùng nhau nghe ca khúc “*Bóng chiều xưa*” của Dương Thiệu Tước và Minh Trang qua giọng ca Quỳnh Giao, người con gái như thừa hưởng phần nào giọng hát của mẹ mình khi xưa. Nơi bài hát có câu “*Mây vương sầu lan, gió ơi đưa hồn về làng cũ...*” Khi còn tại thế, nếu như con người ta thường thả hồn về những khung trời dĩ vãng thì khi liạ chốn dương trần này, và đối với người đang được nói đến trong buổi phát thanh hôm nay, trên bước đường siêu thoát hẳn cũng có giây phút linh hồn người quá vãng trở về nơi cố quận, nơi đã từng có một thuở mà khi buồn thì có những “*Đêm tàn bến Ngự*” (\*), khi vui có những “*Khúc nhạc dưới trăng*” (\*), và khi lưu luyến mặn nồng thì có thanh âm cùng hình ảnh đầy triu mến của những “*Bóng chiều xưa*” (\*)!

(Nhạc nền)



**Thanh Trang**  
(California)

(\*) *Đều là tựa đề những bài hát của Dương Thiệu Tước.*

Và đến đây thì cũng đã kết thúc chương trình “Ca khúc Việt Nam” do Thanh Trang thực hiện buổi nay. Xin gửi đến quý thính giả lời chào thân ái và xin hẹn nhau lại đến tuần sau!

(Nhạc nền kết thúc)